| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẾN CẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v "ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Chu Y.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Hồng Phúc;

Ông Lê Văn Rẽn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Chị Đào Thị Kim A (tên gọi khác: V), sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp L, xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 02 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Đào Thị Kim A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Th quen biết nhau một thời gian và về chung sống như vợ chồng từ năm 1997, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, chị và anh Th chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ cải vã nhau, anh Th có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, không lo làm ăn, chăm sóc gia đình, bất đồng về kinh tế gia đình. Từ tháng 12/2020 vợ chồng ly thân dù sống chung nhà nhưng không có giao tiếp và không quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Hữu Th được nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết cho anh chị ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Th có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 07/3/1998 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 26/6/2001. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị. Do con chung đã Th niên, tự lao động sinh sống được. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị A không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

*Bị đơn – Anh Nguyễn Hữu Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th thừa nhận lời trình bày của chị A là đúng, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 07/3/1998 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 26/6/2001. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị A. Do con chung đã Th niên, tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra anh Th không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

***Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đào Thị Kim A. Không công nhận chị Đào Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu Th là vợ chồng. Không đặt ra giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Về án phí: Chị A phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Th chung sống với nhau từ năm 1997, mặc dù đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ghi nhận chị A và anh Th có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 07/3/1998 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 26/6/2001 đã Th niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh Th không yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng. Anh Th không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đào Thị Kim A và anh Nguyễn Hữu Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận chị A và anh Th có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 07/3/1998 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 26/6/2001 đã Th niên, tự lao động sinh sống được nên không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Đào Thị Kim A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0022600 ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị A đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu Th không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị A, anh Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã xã Long Thuận;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Chu Y**